

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định” của Công ty CP Becamex Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 76/GP-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Becamex Bình Định;*

*Theo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tỉnh và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1100/TTr-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định” do Công ty Cổ phần Becamex Bình Định thực hiện với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò là 01ha, diện tích phê duyệt trữ lượng khoáng sản và huy động vào khai thác là 0,81ha có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đã tính trong báo cáo

- Trữ lượng địa chất cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) theo cấp 122 cho phần diện tích 0,81ha là 16.200 m<sup>3</sup> cát.

3. Hệ số nở rời

- Hệ số nở rời:  $H_{nr \text{ cát}} = 1,10$ .

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt

- Trữ lượng khoáng sản của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác theo cấp 122 là 16.200 m<sup>3</sup> cát.

- Trữ lượng cát bồi lắng sẽ được tính hằng năm sau mùa mưa, thông qua việc kiểm kê, thống kê khối lượng đã khai thác và đo vẽ bản đồ hiện trạng khu vực mỏ.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch: UBND huyện Vân Canh, UBND xã Canh Hiền, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Becamex Bình Định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Tổng cục ĐC&KS VN;
- Cục KS HĐKS Miền Trung;
- Lưu: VT, K4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Tọa độ, diện tích khu vực thăm dò và tọa độ, diện tích khu vực phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định )

- Khu vực thăm dò

| <b>Tọa độ, diện tích khu vực thăm dò</b> |   |         |
|--|---|---------|
| Điểm góc                                 | Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15' |         |
|  | X (m)   | Y (m)   |
| 1  | 1.513.990   | 586.794 |
| 2  | 1.514.079   | 586.762 |
| 3  | 1.514.150   | 586.683 |
| 4  | 1.514.151   | 586.757 |
| 5  | 1.514.093   | 586.802 |
| 6  | 1.513.991   | 586.867 |
| <b>Diện tích: 1,0ha</b>                  |   |         |

- Khu vực phê duyệt trữ lượng khoáng sản và huy động vào khai thác

| <b>Tọa độ, diện tích phê duyệt trữ lượng khoáng sản và huy động vào khai thác</b> |   |         |
|---|---|---------|
| Điểm góc  | Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 108°15' |         |
|   | X (m)   | Y (m)   |
| 1   | 1.513.991   | 586.804 |
| 2   | 1.514.084   | 586.769 |
| 3   | 1.514.150   | 586.697 |
| 4   | 1.514.151   | 586.757 |
| 5   | 1.514.093   | 586.802 |
| 6   | 1.513.991   | 586.867 |
| <b>Diện tích: 0,81ha</b>  |   |         |

**Thống kê trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

| TT   | Số hiệu khối - Cấp trữ lượng | Số hiệu công trình | Tuyến | Chiều sâu lỗ khoan (m) | Chiều dày tầng cát (m) | Độ sâu dự kiến khai thác (m) | Diện tích khối trữ lượng (m <sup>2</sup> ) | Trữ lượng khai thác (m <sup>3</sup> ) |
|--|------------------------------|--------------------|-------|------------------------|------------------------|------------------------------|--|---------------------------------------|
| 1  | 1-BĐ-122                     | LK.01              | T2    | 3,2                    | 2,9                    | 2,0                          | 3.548                                      | 7.096                                 |
| 2  |                              | LK.02              | T1    | 4,0                    | 3,8                    |                              |  |                                       |
| <b>Trung bình khối</b>   |                              |                    |       | <b>3,6</b>             | <b>3,35</b>            |                              |  |                                       |
| 1  | 2-BĐ-122                     | LK.01              | T2    | 3,2                    | 2,9                    | 2,0                          | 4.552                                      | 9.104                                 |
| 2  |                              | LK.03              | T3    | 3,5                    | 3,3                    |                              |  |                                       |
| <b>Trung bình khối</b>   |                              |                    |       | <b>3,35</b>            | <b>3,10</b>            |                              |  |                                       |
| Trữ lượng địa chất cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) theo cấp 122 cho phần diện tích 0,81ha và trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác |                              |                    |       |                        |                        |                              |  | <b>16.200</b>                         |